TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 29 – 12 – 2023.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Phạm Văn San.

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan, kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1988;

Trú tại: Thôn A, xã Q, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Trần Việt Q, sinh năm 1986;

Trú tại: Thôn A, xã Q, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

(Chị Bùi Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Trần Việt Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2007, được Ủy ban nhân xã Q, huyện TK, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày

19/12/2007. Sau kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại riêng ở thôn A, xã Q, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng mười lăm năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q là người thiếu trách nhiệm trong cuộc sống vợ chồng, không quan tâm đến vợ, con, thường xuyên đi uống rượu. Khoảng tháng 7/2023 anh Q thường xuyên vắng nhà, không ăn cơm, không ngủ ở nhà, đi đâu làm gì cũng không cho chị L biết dẫn đến vợ chồng xảy ra bất hòa, cãi vã, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt nên chị L đã về ở nhà mợ và ly thân với anh Q từ tháng 7/2023. Nay nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn nên chị Bùi Thị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Việt Q.

Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Trần Việt Q có 02 (hai) con chung là Trần Huy D, sinh ngày 06/12/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 28/8/2012. Hiện nay, hai cháu đang chung sống với chị L . Chị Bùi Thị L có nguyện vọng mong muốn chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng chị L và anh Q sẽ tự thỏa thuận với nhau, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã triệu tập anh Trần Việt Q đến Toà làm việc nhưng anh Q vắng mặt. Tòa án giao các văn bản tố tụng cho người thân của anh Q để giao, thông báo cho anh Q biết về yêu cầu khởi kiện của chị L. Tuy nhiên, anh Q cũng không thể hiện quan điểm cũng như không đến Tòa để làm việc sau khi được gia đình giao và thông báo các văn bản tố tụng của Toà án.

Kết quả làm việc với ông Trần Đình H là bố đẻ của anh Trần Việt Q thể hiện: Anh Q và chị L tự do tìm hiểu và tự nguyên kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 19/12/2007. Sau khi kết hôn, anh Q và chị L chung sống tại nhà riêng cùng thôn A. Vợ chồng hạnh phúc, sau đó có phát sinh mâu thuẫn nên tháng 7/2023, chị L và anh Q đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Anh, chị ít khi chia sẻ, tâm sự với ông về mâu thuẫn vợ chồng. Anh Q làm cai xây dựng ở địa phương, cũng thường hay tụ tập ăn uống, không tập trung kinh tế gia đình nên có thể vì điều này dẫn đến vợ chồng anh chị có mâu thuẫn. Hiện nay, chị L đi làm ở công ty GFT Việt Nam. Chị L và anh Q có hai con chung tên là Trần Huy D, sinh ngày 06/12/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 28/8/2012. Cả hai cháu đang sống với chị L. Là bậc cha mẹ, ai cũng mong muốn con mình hạnh phúc, hòa thuận. Gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên bảo, tuy nhiên, vợ chồng có chung sống được với nhau hay không thì tùy thuộc vào anh Q và chị L. Trường hợp chị L vẫn kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xem xét nguyện vọng của hai cháu.

Kết quả làm việc với bà Đoàn Thị L1là mẹ ruột của chị L thể hiện: Chị Bùi Thị L và anh Trần Việt Q kết hôn với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết

hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống và không thống nhất với nhau trong mọi việc, không tập trung kinh tế, thiếu sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau trong cuộc sống. Anh Q thường xuyên không ở nhà, không ăn cơm với vợ con, không tâm gì đến gia đình. Tháng 7 năm 2023, chị L đã về ở nhờ nhà mợ cho mượn ở thôn A, xã Q. Từ đó đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi và không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà luôn mong muốn vợ chồng chị L và anh Q về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng do vợ chồng không còn quan tâm đến, không còn mong muốn đoàn tụ nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị L để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Chị L và anh Q có hai con chung là Trần Huy D, sinh ngày 06/12/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 28/8/2012. Cả hai cháu đang sống với chị L. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của các cháu và nguyện vọng của chị L về việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung.

Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã Q, trưởng thôn A đều cung cấp: Chị Bùi Thị L và anh Trần Việt Q được tự do tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống và làm ăn tại thôn A, xã Q, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn địa phương cũng không nắm rõ. Ở cơ sở thông tin chị L về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 7/2023 và vợ chồng chị không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Chị L đi làm công ty và anh Q làm cai xây dựng tại địa phương. Chị L và anh Q có hai con chung là Trần Huy D, sinh ngày 06/12/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 28/8/2012. Hiện nay hai cháu đang ở với chị L . Chị L xin ly hôn anh Q và yêu cầu giải quyết về con chung, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, xem xét nguyện vọng của hai cháu và điều kiện nuôi con của vợ chồng để giao con chung nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các cháu.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ 2 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Quân; Về con chung: Giao 02 con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Chấp nhận sự tự nguyện của chi L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị

L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Việt Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Trần Việt Q tự do tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2007. Được Ủy ban nhân xã Q, huyện TK, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/12/2007 nên hôn nhân giữa chị L và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023, phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ vào lời trình bày của chị , lời khai ông H (bố đẻ anh Q), lời khai của bà L1 (mẹ đẻ chị L) và biên bản xác minh tại địa phương xác nhận đời sống vợ chồng của chị L và anh Q đã có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Chị L và anh Q đã không còn chung sống với nhau từ tháng 7/2023 cho đến nay. Đối với anh Q, mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q thông qua người thân, nhưng anh Q vẫn không cung cấp bản khai, không đến Tòa để làm việc. Điều này thể hiện, anh Q không quan tâm, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và không mong muốn đoàn tụ tiếp tục xây dựng cuộc sống gia đình cùng với chị L. Từ đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn với anh Q.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Trần Việt Q có 02 con chung là Trần Huy D, sinh ngày 06/12/2007 và Trần Quang H, sinh ngày 28/8/2012. Hiện nay hai con chung đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Xét yêu cầu của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: tại văn bản ghi ý kiến ngày 01/11/2023, cháu Trần Huy D, sinh ngày 06/12/2007 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 28/8/2012 đều có nguyện vọng sống chung với chị L và hiện tại hai cháu đang do chị L chăm sóc từ khi chị Lvà anh Q sống ly thân. Hiện nay, chị L đi làm công ty với mức lương trung bình khoảng 6.000.000đồng đến 8.000.000đồng/tháng, có nơi ở và điều kiện sinh hoạt đầy đủ. Đối với anh Q, qua xác minh tại địa phương anh Q có công việc, có thu nhập nhưng do công việc làm cai xây dựng với đặc tính thường xuyên vắng nhà, phải di chuyển theo công trình xây dựng nên sẽ hạn chế phần nào việc chăm sóc, nuôi dưỡng và

giáo dục con chung. Mặc khác, trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh Q không đến Tòa án, cũng không có văn bản nêu ý kiến, nguyện vọng của anh Q về việc chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, căn cứ vào nguyện vọng của hai cháu cũng như đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của hai con chung. Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L, giao 02 con chung cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Trần Việt Q.

[2] Về con chung: Chị Bùi Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là Trần Huy D, sinh ngày 06/12/2007 và cháu Trần Quang H, sinh ngày 28/8/2012 cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hiện nay hai con chung đang sống cùng với chị L. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Q phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, theo biên lai số 0011910 ngày 05 tháng 10 năm 2023.

[4] Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Bùi Thị L và anh Trần Việt Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TK;
- Chi cục THA dân sự huyện TK;
- UBND xã Q, huyện T K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mỹ Như